

Số: 17/2022/CV-PHFM
V/v: CBTT về Báo cáo thường niên
năm 2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn
Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.5413.7991

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lu, Hui-Hung

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Căn cứ vào Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng
khoán, PHFM trân trọng công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2021, chi tiết theo tài
liệu đính kèm.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHFM tại: <http://phfm.vn/vi/>, phần
Quan hệ nhà đầu tư, mục Công Bố Thông Tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ đính kèm:

- Phụ lục IV Thông tư 96/2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Ban thư ký.


TỔNG GIÁM ĐỐC
ÔNG LU, HUI-HUNG

**Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của
người đại diện theo pháp luật**

Phụ lục IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC

ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2022/BC-PHFM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Vụ quản lý các công ty quản lý quỹ
và quỹ đầu tư chứng khoán.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007, giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/11/2021.
- Vốn điều lệ: **39.000.000.000 VND** (Ba mươi chín tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **39.000.000.000 VND** (Ba mươi chín tỷ đồng)
- Địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84-28) 5413 7991
- Website: www.phfm.vn
- Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM) là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Chiến Thắng (VCMC). VCMC được thành lập vào cuối năm 2007 tại Hà Nội với vốn điều lệ 28.000.000.000 đồng. Lĩnh vực kinh doanh là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Năm 2013, để phù hợp cho định hướng và mục tiêu hoạt động, Công ty chính thức chuyển

địa chỉ trụ sở chính từ Hà Nội vào thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (PHFM), tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Cũng trong năm này, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn lên 39.000.000.000 đồng và bổ sung nghiệp vụ kinh doanh mới: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Năm 2016, Công ty thành lập quỹ thành viên đầu tiên mang tên Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam.

Năm 2017, Công ty tiếp tục thành lập quỹ thành viên thứ hai mang tên Quỹ Đầu tư Phát triển Hằng Thông.

Năm 2021, Công ty chuyển trụ sở chính về Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính trong năm 2020 và năm 2021:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh

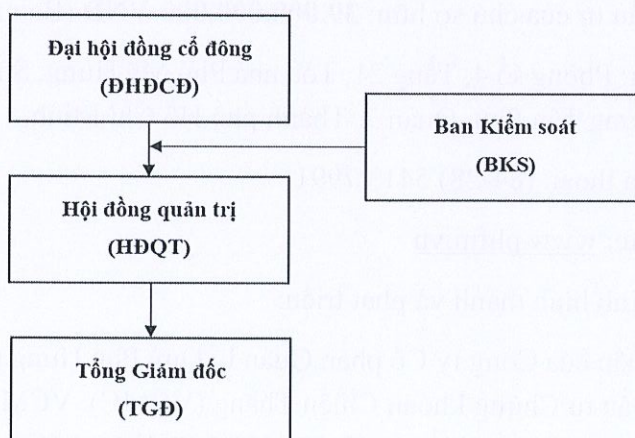
Địa bàn kinh doanh chính của Công ty trong năm 2020 và năm 2021 là thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD).

- Cơ cấu bộ máy quản lý



▪ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan quy định. ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

- ❖ Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- ❖ Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính;
- ❖ Hàng năm, thông qua báo cáo của HĐQT, BKS và của Kiểm toán viên;
- ❖ Quyết định số thành viên HĐQT;
- ❖ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, BKS;
- ❖ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

▪ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 04 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- ❖ Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- ❖ Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- ❖ Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban TGD;
- ❖ Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- ❖ Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- ❖ Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- ❖ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

HĐQT của Công ty gồm có:

- ❖ Ông Albert Kwang-Chin Ting – Chủ tịch HĐQT
- ❖ Ông Ho, Feng Tao – Thành viên HĐQT
- ❖ Ông Wu, Jin-Jeng – Thành viên HĐQT
- ❖ Bà Huang, Wan-Hui – Thành viên HĐQT

▪ Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- ❖ Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- ❖ Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban TGD;
- ❖ Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- ❖ Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

BKS của Công ty gồm có:

- ❖ Ông Liew Sep Siang – Trưởng BKS
- ❖ Bà Lii, San-Rong – Thành viên BKS
- ❖ Ông Lo, Nai-Wei – Thành viên BKS

▪ **Tổng Giám đốc**

TGD do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban TGD có nhiệm vụ:

- ❖ Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- ❖ Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- ❖ Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Kế toán trưởng;
- ❖ Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- ❖ Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- ❖ Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- ❖ Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

TGD của Công ty là:

- ❖ Ông Lu, Hui-Hung – Tổng Giám đốc

- **Công ty con:** Không có.

- **Công ty liên kết:** Không có.

4. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Mặc dù đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và kéo dài ở Việt Nam, Công ty vẫn hoàn thành các mục tiêu đề ra cho năm 2021. Trong năm 2022, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào

mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng. Biết rằng đại dịch Covid-19 đã thay đổi nghiêm trọng hiểu biết của chúng ta về cuộc sống ở nhiều khía cạnh như đầu tư, làm việc và tương tác xã hội, Công ty đã chuẩn bị để tìm kiếm động lực tăng trưởng tiếp theo trong thế giới mới này.

Bên cạnh đó, Công ty cũng hướng đến mục tiêu tạo việc làm và thu nhập ổn định cho nhân viên, tăng lợi tức cho các cổ đông và nhà đầu tư, làm tròn nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Tầm nhìn chiến lược trong trung hạn và dài hạn của Công ty được đề ra như sau: Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng.

- **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty**

Với hơn 14 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính – quản lý quỹ, các hoạt động kinh doanh của Công ty không gây ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến môi trường. Theo định hướng của Tổng Giám đốc, Công ty đưa tinh thần và hành động sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và tài nguyên trở thành một phần trong văn hóa Công ty, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động đến môi trường. Các biện pháp kiểm tra, giám sát việc tuân thủ luôn được thực thi một cách nghiêm túc như một cam kết bền vững của Công ty trong việc bảo vệ môi trường xanh.

5. Các rủi ro

- **Rủi ro nền kinh tế**

Lĩnh vực hoạt động của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự tăng trưởng và phát triển chung của nền kinh tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng tích cực sẽ là yếu tố tạo đà cho sự phát triển thuận chiều trong việc đầu tư chứng khoán.

Bên cạnh tốc độ tăng trưởng thì những biến động của các chỉ tiêu kinh tế khác như: lạm phát, chính sách quản lý lãi suất, tỷ giá hối đoái, v.v... cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình kinh tế biến động khó lường, có thể ảnh hưởng bất ngờ đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT và TGD luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình kinh tế vĩ mô để có những biện pháp kịp thời nhằm hạn chế rủi ro và tận dụng cơ hội kinh doanh trong quá trình hoạt động.

- **Rủi ro hoạt động**

Rủi ro trong quá trình hoạt động bao gồm việc cung cấp sai số liệu NAV (giá trị tài sản ròng) của các quỹ đang quản lý dẫn tới việc Công ty quản lý quỹ phải đền bù cho nhà đầu tư, gây tổn hại đến tài chính của Công ty. Công ty sẽ giảm thiểu rủi ro này bằng cách theo dõi và kịp thời điều chỉnh khi nhận được thông báo và yêu cầu từ Ngân hàng lưu ký/ giám sát hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân hàng lưu ký/ giám sát cung cấp dịch vụ xác định NAV.

- **Rủi ro pháp lý**

Dịch vụ tài chính là ngành được kiểm soát rất chặt chẽ và ngày càng bị điều tiết nhiều hơn. Sự theo dõi gắt gao này có thể dẫn đến rủi ro gia tăng các nghĩa vụ của Công ty, các chi phí về pháp lý, tuân thủ và các chi phí khác có liên quan. Việc tăng cường kiểm tra giám sát cũng có thể làm trầm trọng thêm gánh nặng hành chính đối với Công ty.

Để hạn chế rủi ro pháp luật, nhân viên Kiểm soát tuân thủ luôn nắm rõ quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, chủ động cập nhật các văn bản, quy định mới đảm bảo các bộ phận thực hiện công việc theo đúng quy định của pháp luật.

- **Rủi ro khác**

Các rủi ro khác (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, v.v...) tuy khả năng xảy ra là rất thấp nhưng đây là loại rủi ro hoàn toàn có thể tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, gây thiệt hại về con người, tài sản và những tổn thất lớn khác. HĐQT và TGD Công ty luôn quan tâm và có những biện pháp diễn tập, truyền thông nội bộ định kỳ để phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2021

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

- **Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	Thực hiện năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	32.647.478.852
2	Vốn chủ sở hữu	32.296.302.256
3	Doanh thu thuần	6.913.398.631
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.019.969.866
5	Lợi nhuận trước thuế	1.019.969.866
6	Lợi nhuận sau thuế	811.265.813

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

Trong năm 2021, trước tác động của đại dịch Covid-19, doanh thu của Công ty vẫn hoàn thành mục tiêu đề ra một cách ấn tượng. Tổng doanh thu năm 2021 đạt 104,45% so với kế hoạch năm, tương đương 6.913.398.631 đồng. Đồng thời, việc kiểm soát tốt chi phí hoạt động trong năm đã dẫn đến tổng chi phí (7.946.625.619 đồng) giảm còn 94,89% so với kế hoạch năm. Vì thế, lợi nhuận sau thuế của năm 2021 đạt 131,69% so với kế hoạch năm, tương đương 811.265.813 đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

▪ Tổng Giám đốc

Họ và tên	:	Lu, Hui-Hung
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	11/06/1975
Nơi sinh	:	Đài Loan (Trung Quốc)
Số hộ chiếu	:	310673105 cấp ngày 25/02/2015 tại Đài Loan
Quốc tịch	:	Đài Loan
Địa chỉ	:	H4-03, Khu dân cư Star Hill, Shop 32 Block M2, Đường Raymondienne, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sỹ
Chức vụ tại Công ty	:	Tổng Giám đốc
Tổng số cổ phiếu nắm giữ	:	- Sở hữu cá nhân: Không có - Sở hữu đại diện: Không có
Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	Lương và phúc lợi của Tổng Giám đốc theo chính sách Công ty

▪ Kế toán trưởng

Họ và tên	:	Nguyễn Hải Linh
Giới tính	:	Nữ
Ngày sinh	:	03/09/1989
Nơi sinh	:	Việt Nam
Số căn cước công dân	:	037189004308 cấp ngày 17/12/2019 tại Cục cảnh sát
Quốc tịch	:	Việt Nam

Địa chỉ thường trú	:	Số nhà 91 Ngọc Hồi, phường Trung Sơn, Tam Điệp, Ninh Bình, Việt Nam
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Chức vụ tại Công ty	:	Kế toán trưởng
Tổng số cổ phiếu nắm giữ	:	- Sở hữu cá nhân: Không có - Sở hữu đại diện: Không có
Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu	:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty	:	Lương và phúc lợi của Kế toán trưởng theo chính sách Công ty

- **Những thay đổi trong Ban điều hành**

Trong năm 2021, không có thay đổi trong Ban điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng.

- **Số lượng nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

▪ **Số lượng người lao động trong Công ty**

- ❖ Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.
- ❖ Tại thời điểm 31/12/2021, tổng số lao động của Công ty là 23 người.

▪ **Chế độ làm việc**

- ❖ Trong điều kiện lao động bình thường, thời gian làm việc của người lao động là 40 giờ/ tuần, thời gian làm việc mỗi ngày là 8 giờ.
- ❖ Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật lao động.
- ❖ Nhân viên trong Công ty được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất. Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những nhân viên do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

▪ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- ❖ Chính sách đào tạo và tuyển dụng của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài. Công ty luôn tạo điều kiện để nhân viên có cơ hội được đào tạo, phát triển nghề nghiệp chuyên môn nhằm xây dựng đội ngũ nhân viên tâm huyết, có chuyên môn giỏi, có đạo đức nghề nghiệp.
- ❖ Nhân viên có nhu cầu học tập để tự nâng cao trình độ sẽ được Công ty xem xét tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ một phần kinh phí theo quy định trên cơ sở mục đích của khóa học phải hướng đến phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, người lao động cam kết hoàn thành tốt công việc được giao và đạt kết quả học tập theo yêu cầu.

▪ Chính sách lương, thưởng

Công ty luôn xây dựng chính sách lương, thưởng riêng phù hợp và cạnh tranh với đặc trưng ngành nghề hoạt động của Công ty, bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, tạo động lực cho nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

▪ Chính sách bảo hiểm, phúc lợi

Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm y tế cho nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ nhân viên trong việc thụ hưởng các chế độ của Bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, nhân viên được hưởng các chính sách phúc lợi của Công ty: tặng quà nhân dịp các ngày lễ tết, ngày sinh nhật, được khám sức khỏe định kỳ hằng năm, được du lịch định kỳ hằng năm, được thăm hỏi khi ốm đau; trợ cấp khi nghỉ ốm, thai sản hoặc gặp khó khăn, v.v...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

a. Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2021, Công ty thực hiện đầu tư các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng theo các hình thức như sau:

- Có kỳ hạn dưới 03 tháng có tổng giá trị là 0 tỷ đồng;
- Có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng có tổng giá trị là 26 tỷ đồng;
- Không kỳ hạn có tổng giá trị là 0 tỷ đồng.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

STT	Khoản mục	2020	2021	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	31.949.619.355	32.647.478.852	2,18%
2	Doanh thu thuần	4.647.431.319	6.913.398.631	48,76%

STT	Khoản mục	2020	2021	% tăng, giảm
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	731.147.324	1.019.969.866	39,50%
4	Lợi nhuận khác	(97.496.466)	0	(100%)
5	Lợi nhuận trước thuế	633.650.858	1.019.969.866	60,97%
6	Lợi nhuận sau thuế	531.290.232	811.265.813	52,70%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2020	Năm 2021
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	68,37	90
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	Lần	68,37	90
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	1,45%	1,08%
2.2	Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	1,48%	1,09%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-
3.2	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Lần	0,15	0,21
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	11,43%	11,73%
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	1,69%	2,51%
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,66%	2,48%
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	15,73%	14,75%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. Cơ cấu cổ đông

a. Cổ phần tại ngày 31/12/2021

- Tên chứng khoán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng (Mười nghìn)/ cổ phần
- Tổng số chứng khoán đang lưu hành : 3.900.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán tự do chuyển nhượng : 3.900.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2021

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước:	0	0,00
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	0	0,00
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	0	0,00
2	Cổ đông nước ngoài:	3.900.000	100,00
<i>a</i>	<i>Cá nhân</i>	3.900.000	100,00
<i>b</i>	<i>Tổ chức</i>	0	0,00
3	Cổ phiếu quỹ	0	0,00
	TỔNG CỘNG	3.900.000	100,00

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên vốn cổ phần:	3.900.000	100,00
<i>a</i>	<i>Trong nước</i>	0	0,00
<i>b</i>	<i>Nước ngoài</i>	3.900.000	100,00
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn cổ phần:	0	0,00

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
a	Trong nước	0	0,00
b	Nước ngoài	0	0,00
	TỔNG CỘNG	3.900.000	100,00

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

▪ **Tăng vốn đợt 01: Phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 28.000.000.000 đồng lên 39.000.000.000 đồng**

- ❖ Thời gian phát hành: Tháng 09/2013
- ❖ Tổng giá trị phát hành: 11.000.000.000 đồng
- ❖ Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu
- ❖ Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của đợt tăng vốn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo thông báo số 6069/UBCK-QLQ ngày 30/09/2013.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

e. **Các chứng khoán khác:** Không có.

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

6.1. **Tác động lên môi trường**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).

6.2. **Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- a. **Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:** Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).
- b. **Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:** Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).

6.3. **Tiêu thụ năng lượng**

- a. **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:** Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).

- b. **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:** Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).
- c. **Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:** Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).

6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a. **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:** Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).
- b. **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. **Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không có.
- b. **Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a. **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**
 - Số lượng lao động tính đến ngày 31/12/2021: 23 người
 - Mức lương trung bình đối với người lao động: 15.000.000 đồng/ người/ tháng
- b. **Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**
 - Nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại và thoải mái nhất.
 - Tổ chức tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, đồng thời yêu cầu nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định của tòa nhà và của công ty.
 - Chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện theo đúng quy định của công ty và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- c. **Hoạt động đào tạo người lao động**
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 1 - 2 ngày mỗi quý.
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. hỗ trợ chi phí và điều kiện về thời gian để nhân viên được đào tạo, thi sát hạch lấy chứng chỉ hành nghề.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

- Tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

Trong năm 2021 – đánh giá dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng năm 2021 so với năm 2020:

- Doanh thu bán hàng tăng 48,76% so với năm 2020;
- Lợi nhuận trước thuế tăng 60,97% so với năm 2020;
- Lợi nhuận sau thuế tăng 52,70% so với năm 2020;
- Tổng tài sản Công ty tăng 2,18% so với năm 2020.

Trong năm 2021, trước tác động của đại dịch Covid-19, doanh thu của Công ty vẫn hoàn thành mục tiêu đề ra một cách ấn tượng. Tổng doanh thu năm 2021 đạt 104,45% so với kế hoạch năm, tương đương 6.913.398.631 đồng. Đồng thời, việc kiểm soát tốt chi phí hoạt động trong năm đã dẫn đến tổng chi phí (7.946.625.619 đồng) giảm còn 94,89% so với kế hoạch năm. Vì thế, lợi nhuận sau thuế của năm 2021 đạt 131,69% so với kế hoạch năm, tương đương 811.265.813 đồng.

Dự kiến trong năm tới, khi tình hình đại dịch Covid-19 tại Việt Nam cũng như trên toàn thế giới được kiểm soát tốt hơn, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ ổn định và phát triển hơn, kết quả thu được sẽ khả quan hơn.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Kiểm soát tốt chi phí hoạt động trong năm 2021;
- Nguồn tài chính ổn định đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021;
- Cải tiến quy trình quản lý nhằm nâng cao năng lực điều hành quản lý.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2021 là 32.647.478.852 đồng, tăng 2,18% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 97,25% và tài sản dài hạn chiếm 2,75%.

Tài sản ngắn hạn giảm 15.250.185 đồng, còn 31.749.868.598 đồng cuối năm 2021, tương đương mức giảm 0,05% so với năm 2020.

Tài sản dài hạn tăng 713.109.682 đồng, đạt 897.610.254 đồng cuối năm 2021, tương đương mức tăng 386,51% so với năm 2020.

Trong năm 2021, tình hình tài sản của Công ty không thay đổi nhiều so với năm 2020.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty tính đến 31/12/2021 là 351.176.596 đồng, giảm 24,41% so với cùng kỳ năm 2020.

Năm 2021, nợ ngắn hạn ghi nhận mức 351.176.596 đồng, chiếm 100% nợ phải trả, giảm 24,41% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty không có nợ dài hạn phải trả.

Trong năm 2021, các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng. Công ty hiện không có khoản nợ nào quá hạn thanh toán. Cũng trong năm này, Công ty không có bất kỳ khoản vay trong và ngoài nước vì vậy sẽ không chịu ảnh hưởng đến từ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2021, Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 đã thông qua cơ cấu tổ chức mới của Công ty. Từng bộ phận dần được hoàn thiện và hoạt động khá ổn định, hiệu quả. Đồng thời, TGD gia tăng hoạt động giám sát để đảm bảo đánh giá đúng hiệu quả làm việc của nhân viên và các bộ phận trong Công ty. Các chính sách quản lý cũng được duy trì với mục tiêu tiết giảm chi phí tối đa, từ đó góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của TGD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mặc dù trong năm 2021, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều sóng gió do đại dịch Covid-19 kéo dài, thị trường tài chính trong nước vẫn tiếp tục phát triển và có kết quả ấn tượng về nhiều mặt, đặc biệt là trên thị trường chứng khoán. Ngành quản lý quỹ vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển nhưng đã đón đầu cơ hội tăng trưởng chưa từng có liên quan tới sự bùng nổ của thị trường chứng khoán Việt Nam. Ngành đã có nhiều thành tựu đáng kể, cả về số lượng quỹ mới thành lập lẫn tổng giá trị tài sản quản lý. Khi đại dịch Covid-19 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các kênh đầu tư, thị trường chứng khoán dường như trở thành nơi duy nhất thu hút dòng tiền tràn ngập.

Dựa trên những thành tựu mà PHFM đã đạt được trong năm 2021, PHFM sẽ tập trung nguồn lực để thành lập và vận hành quỹ mở, mở rộng quy mô tổng giá trị tài sản quản lý (AUM) đối với dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, tăng cường năng lực tài chính bằng cách đa dạng hóa nguồn thu và tiếp tục biên soạn, hoàn thiện các quy chế và quy trình nội bộ để đáp ứng yêu cầu của pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Năm 2022, công ty sẽ hoàn thành một số chỉ tiêu hoạt động như sau:

- Hoàn thiện cơ cấu bộ phận Kiểm toán nội bộ;
- Tuyển dụng thêm nhân sự để phục vụ kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh;
- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách và quy trình nội bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động;

- Đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ hoạt động quản lý quỹ mở;
- Tiếp tục tạo thu nhập ổn định bằng đầu tư tài chính;
- Tăng tài sản quản lý cho dịch vụ quản lý danh mục đầu tư;
- Thành lập quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở.

5. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến Kiểm toán hoàn toàn được chấp nhận.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, v.v.):** Không có (do PHFM là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán).
- b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**
 - Người lao động làm việc tại Công ty được đảm bảo mức thu nhập phù hợp với mặt bằng chung của xã hội, được trang bị thiết bị làm việc đầy đủ.
 - Công ty thực hiện đóng các loại bảo hiểm đúng theo quy định của pháp luật đối với người lao động như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp.
- c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**
 - Công ty tích cực tuyên truyền phòng chống dịch Covid-19 trong Công ty và ngoài xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2021, Công ty đã có kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng. Doanh thu thuần đạt 6.913.398.631 đồng trong năm 2021, tăng trưởng 48,76% so với năm 2020. Các chỉ số hợp nhất về khả năng sinh lời như Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần cũng đạt những kết quả thuận lợi lần lượt là 2,51% và 14,75%. Hơn nữa, các chỉ số về cơ cấu vốn ở mức thấp cho phép Công ty khai thác sức mạnh đòn bẩy tài chính để gia tăng lợi nhuận và tận dụng nguồn lực từ các ngân hàng và tổ chức tài chính.
- Trong năm nay, Công ty đã thu về lợi nhuận sau thuế đạt 811.265.813 đồng, tăng 52,70% so với năm 2020. Điều này thể hiện hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt được sự phát triển vượt bậc và Công ty sẽ tiếp tục hướng đến các kết quả tốt hơn trong thời gian tới.
- Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt các chính sách về người lao động, đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp đúng theo quy định hiện hành. Chăm lo đến sức khỏe người lao động bằng việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Công ty cũng đã thực hiện nghiêm túc các quy định trong công tác phòng chống đại dịch Covid-19, trang bị khẩu trang y tế, dung dịch sát khuẩn cho người lao động, thực hiện đo thân nhiệt khi vào Công ty.
- Trong năm 2021, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Đồng thời, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm đối với người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban TGD điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao cho.
- Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng Ban TGD đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. Ban TGD đã nỗ lực hết mình để thực hiện kế hoạch kinh doanh do các cổ đông đề ra trong ĐHĐCĐ thường niên năm vừa rồi.
- HĐQT tin tưởng và sẽ tiếp tục giao cho Ban TGD những mục tiêu cao hơn để dẫn đưa Công ty đạt được nhiều thành tựu hơn trong thời gian tới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Mặc dù đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và kéo dài ở Việt Nam, Công ty vẫn hoàn thành các mục tiêu đề ra cho năm 2021. Trong năm 2022, Công ty đặt mục tiêu tập trung hơn vào mảng kinh doanh hiện tại, đồng thời tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng. Để đạt được mục tiêu này, HĐQT thực hiện:

- Chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật có liên quan;
- Chỉ đạo việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Tăng cường giám sát và chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động điều hành theo đúng định hướng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Chỉ đạo thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán áp dụng cho công ty quản lý quỹ;
- Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới, tinh gọn bộ máy nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	1.560.000	0	40,00%
2	Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	0	0	0,00%
3	Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	0	0	0,00%
4	Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	0	0	0,00%

Các chức danh quản lý do từng thành viên HĐQT của Công ty nắm giữ tại các công ty khác như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại các công ty khác
1	Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT - Phu Hung Far East Holding Corporation; - Thành viên HĐQT - CX Technology Cayman; - Người đại diện - Freshfields Capital Corporation; - Chủ tịch HĐQT - CTCP Chứng khoán Phú Hưng.
2	Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐQT - CTCP Bảo hiểm Phú Hưng.
3	Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	Người đại diện theo pháp luật - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Vũ Thái.
4	Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Phú Vinh.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1	26/02/2021	01/2021/NQ-HĐQT	Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Quản lý Quỹ Phú Hưng.
2	23/03/2021	02/2021/NQ-HĐQT	- Thông qua ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 29/04/2021; - Thông qua tài liệu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
3	07/06/2021	03/2021/NQ-HĐQT	Thông qua Hợp đồng Quản lý Danh mục đầu tư với Công ty Freshfields Capital Corporation, chi tiết như sau: - Giá trị Vốn ủy thác: 1.000.000.000 VND (Bằng chữ: một tỷ đồng) - Thời hạn của Hợp đồng: 05 (năm) năm kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ Phú Hưng nhận khoản thanh toán đầu tiên của Vốn ủy thác từ Nhà đầu tư căn cứ trên thông báo của Ngân hàng, trừ khi Hợp đồng có quy định khác.
4	26/07/2021	04/2021/NQ-HĐQT	- Thông qua Hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng; - Thông qua ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021 vào ngày 27/08/2021; - Thông qua các vấn đề đệ trình lên của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021.
5	15/10/2021	05/2021/NQ-HĐQT	Thông qua việc bổ nhiệm Bà Lê Thùy Mỹ Tiên trở thành Phó phòng Kiểm toán nội bộ kể từ ngày 15/10/2021.
6	30/12/2021	06/2021/NQ-HĐQT	- Thông qua ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022 vào ngày 20/01/2022; - Thông qua tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022; - Thông qua việc thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
			- Thông qua việc miễn nhiệm Bà Lê Thùy Mỹ Tiên thôi giữ chức vụ Phó phòng Kiểm toán nội bộ kể từ ngày 30/12/2021; - Thông qua việc bổ nhiệm Bà Lương Thị Tuyết Mai giữ chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ kể từ ngày 30/12/2021; - Thông qua Quy chế và Quy trình Kiểm toán nội bộ; - Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2022.

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc. Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi tại các cuộc họp định kỳ, HĐQT còn thường xuyên trao đổi qua điện thoại, thư điện tử cũng như các phương tiện thông tin khác về tình hình chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và mục tiêu mà ĐHĐCĐ đã đề ra trong năm;
- Về tổng thể, công tác giám sát đối với Ban điều hành nói chung được duy trì có hệ thống và chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật, thỏa mãn các vấn đề về hoạt động kinh doanh và tài chính;
- HĐQT đã nỗ lực, sáng tạo và chủ động trong công tác chỉ đạo nhằm đạt được những kế hoạch do ĐHĐCĐ đề ra.

d. **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:** Không có.

e. **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Không có.

2. Ban Kiểm soát

a. **Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ Vốn Điều lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Liew Sep Siang	Trưởng BKS	0	0	0,00%
2	Lii, San-Rong	Thành viên BKS	0	0	0,00%
3	Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS	0	0	0,00%

b. **Hoạt động của Ban Kiểm soát**

STT	Phiên họp ngày	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1	25/03/2021		Thông qua Báo cáo thẩm định tình hình hoạt động của Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng trong năm tài chính 2020.

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, qua đó nắm bắt kịp thời thông tin về tình hình quản trị điều hành, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS kịp thời có ý kiến đóng góp về phương hướng hoạt động, về việc chấp hành Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo quy định của pháp luật (như nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, BHXH, BHYT cho người lao động và các nghĩa vụ khác, v.v.);
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và nhà đầu tư;
- BKS phối hợp với các phòng ban liên quan để kiểm tra hoạt động đầu tư, tài chính của Công ty. Thường xuyên nhắc nhở Công ty về chế độ báo cáo định kỳ, công khai thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- Tổng mức thù lao cho các thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ. Thành viên của BKS cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Trong năm 2021, Công ty không chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

STT	Chi tiết	Vị trí	Lương (triệu đồng)	Cơ cấu thưởng (%)	Thù lao 2021 (triệu đồng)	Thời gian nắm giữ chức vụ trong năm 2021
1.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					

STT	Chi tiết	Vị trí	Lương (triệu đồng)	Cơ cấu thưởng (%)	Thù lao 2021 (triệu đồng)	Thời gian năm giữ chức vụ trong năm 2021
1	Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	01/01/2021 - 31/12/2021
2	Ông Ho, Feng Tao	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2021 - 31/12/2021
3	Ông Wu, Jin-Jeng	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2021 - 31/12/2021
4	Bà Huang, Wan-Hui	Thành viên HĐQT	-	-	-	01/01/2021 - 31/12/2021
2. BAN KIỂM SOÁT						
1	Ông Liew Sep Siang	Trưởng BKS	-	-	-	01/01/2021 - 31/12/2021
2	Ông Lii, San-Rong	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2021 - 31/12/2021
3	Ông Lo, Nai-Wei	Thành viên BKS	-	-	-	01/01/2021 - 31/12/2021
3. TỔNG GIÁM ĐỐC						
1	Ông Lu, Hui-Hung	Tổng Giám đốc	746	-	-	01/01/2021 - 31/12/2021

- b. **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có.
- c. **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.
- d. **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Trong năm 2021, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, nhờ vậy đã từng bước tạo niềm tin cho các cổ đông, các nhà đầu tư và làm tiền đề cho việc phát triển trong những năm tới.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty. Cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021: (Phụ lục đính kèm từ trang 24 đến trang 41)

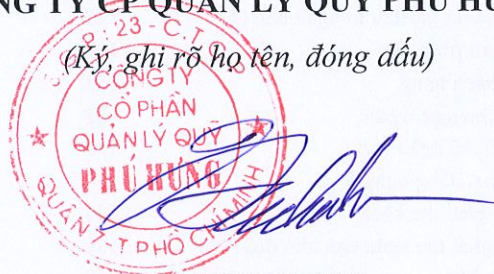
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Ban Thư Ký

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



LÚ, HUI-HUNG

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021

(Đính kèm Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty CP Quản lý Quỹ Phú Hưng)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31,749,868,598	31,765,118,783
1. Tiền	111		754,365,317	2,492,763,473
2. Các khoản tương đương tiền	112		754,365,317	2,492,763,473
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	29,500,000,000	28,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		29,500,000,000	28,500,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		1,267,263,964	686,255,310
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	-	38,350,355
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.4	400,727,666	376,032,545
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5.1	866,536,298	271,872,410
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		228,239,317	86,100,000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 7	212,061,001	86,100,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V9.2	16,178,316	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		897,610,254	184,500,572
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		184,500,572	184,500,572
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5.2	184,500,572	184,500,572
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
• Nguyên giá	228	V.6	397,464,302	397,464,302
• Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(397,464,302)	(397,464,302)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		713,109,682	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 7	713,109,682	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		32,647,478,852	31,949,619,355

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		351,176,596	464,582,912
I. Nợ ngắn hạn	310		351,176,596	464,582,912
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.1	80,032,627	160,291,122
5. Phải trả người lao động	315		199,000,000	229,756,250
6. Chi phí phải trả	316	V.8	70,943,969	74,535,540
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1,200,000	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		32,296,302,256	31,485,036,443
I. Vốn chủ sở hữu	410		32,296,302,256	31,485,036,443
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.10	39,000,000,000	39,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6,703,697,744)	(7,514,963,557)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		32,647,478,852	31,949,619,355

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		67.84	77.19

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	V.11.1	6,913,398,631	4,647,431,319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01- 02)	10		6,913,398,631	4,647,431,319
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		6,913,398,631	4,647,431,319
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.11.2	2,053,196,854	2,379,488,751
7. Chi phí tài chính	22		75,460	46,741
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.12	7,946,550,159	6,295,726,005
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		1,019,969,866	731,147,324
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	V.13		97,496,466
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(97,496,466)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1,019,969,866	633,650,858
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.14	208,704,053	102,360,626
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		811,265,813	531,290,232
17. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70		208	136

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

			Đơn vị tính: VND	
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6,888,703,510	4,522,907,953
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		-	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5,368,411,851)	(3,668,113,757)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(680,283,440)	(170,910,311)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		44,932,000	36,657,143
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3,038,056,946)	(2,794,751,484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2,153,116,727)	(2,074,210,456)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26,000,000,000)	(25,000,000,000)
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		222,008,075	25,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		26,187,500,000	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,254,391	2,379,548,225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		414,762,466	2,379,548,225
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

			Đơn vị tính: VND	
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1,738,354,261)	305,337,769
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2,492,763,473	2,187,434,523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(43,895)	(8,819)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		754,365,317	2,492,763,473

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
		01/01/2020	01/01/2021	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2020	31/12/2021
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39,000,000,000	39,000,000,000	-	-	-	-	39,000,000,000	39,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chuyển lịch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chuyển lịch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(8,046,253,789)	(7,514,963,557)	531,290,232	-	811,265,813	-	(7,514,963,557)	(6,703,697,744)
Cộng		30,953,746,211	31,485,036,443	531,290,232	-	811,265,813	-	31,485,036,443	32,296,302,256

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 11 năm 2021 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Phòng số 4, Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Đường Hoàng Văn Thái, Khu phố 1, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính
Không có.

5. Tổng số nhân viên: 26 người, trong đó có 13 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập báo cáo.

23 -

ĐNG

Đ PH

V LÝ

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

Đ H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|--------|
| • Phần mềm máy tính | 03 năm |
|---------------------|--------|

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch TP.

HCM và Sở Giao dịch Hà Nội (không bao gồm Sàn giao dịch UpCom)

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Tức là : $\text{Max (Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)}$

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán .

Tức là : $\text{Max (Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)}$

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch :

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán;
- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá từ các báo giá
- + Giá của các kỳ báo cáo gần nhất
- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Tức là : $\text{Max (Giá từ các báo cáo; Giá của kỳ báo cáo gần nhất ; Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán)}$

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí đi dãi văn phòng

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ tăng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt (*)	30,566,464	3,861,500
Tiền gửi ngân hàng (**)	723,798,853	2,488,901,973
Tiền gửi ngân hàng VND	722,231,071	2,487,125,831
Tiền gửi ngân hàng BIDV	74,911,110	9,734,005
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank - CN Nam Sài Gòn	646,118,863	2,477,391,826
Tiền gửi ngân hàng Nam Á	1,201,098	-
Tiền gửi ngân hàng USD	1,567,782	1,776,142
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	1,567,782	1,776,142
Tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	754,365,317	2,492,763,473

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2021 khớp với biên bản kiểm kê thực tế.

(**) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2021 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận sổ dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
2.1. Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn gốc 12 tháng				
- Trái phiếu công ty TNHH Thế Vượng			25	25,000,000,000
2.2. Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng		29,500,000,000		3,500,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm BIDV (1)		1,000,000,000		1,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng của NH Nam Á (2)		27,500,000,000		1,500,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 năm VCB (3)		1,000,000,000		1,000,000,000
Tổng cộng		29,500,000,000		28,500,000,000

Ghi chú:

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2019/2089231/HDTG ngày 17/01/2019, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm đến 17/01/2021 hợp đồng tái tục với lãi suất bằng lãi suất thị trường là 4,9 %/năm.

(2) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 97/2019/HDTG-NHNA-H.NGHI và số 98/2019/HDTG-NHNA-H.NGHI ngày 29/01/2019, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,8%/năm, đến 29/01/2021 tái tục với lãi suất thị trường là 5,7%/năm.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 153; 156; 157; 158; 159; 160-HDTG/2021-H.NGHI ngày 12/07/2021, tổng số tiền 26.000.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,7%

(3) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 27/HDTG-PGD4 ngày 31/01/2019, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm. Đến 31/01/2021 hợp đồng tái tục với lãi suất thị trường là 4,6 %/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	-	38,350,355
	-	38,350,355

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	400,727,666	376,032,545
Tổng cộng	400,727,666	376,032,545

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

5.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi trái phiếu	-	26,027,397
Lãi tiền gửi	823,486,298	159,063,013
Đặt cọc tiền điện văn phòng	-	4,000,000
Đặt cọc thuê văn phòng	-	39,732,000
Đặt cọc thuê căn hộ Star Hill (*)	43,050,000	43,050,000
Tổng cộng	866,536,298	271,872,410

5.2. Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	171,700,572	171,700,572
Đặt cọc vỏ bình nước	500,000	500,000
Đặt cọc thuê máy photocopy	2,300,000	2,300,000
Đặt cọc thẻ taxi VinaSun	5,000,000	5,000,000
Đặt cọc Công ty TNHH Grab	5,000,000	5,000,000
Tổng cộng	184,500,572	184,500,572

Ghi chú:

(*) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Star Hill ngày 14/08/2020 thời hạn 12 tháng từ ngày 15/08/2020 đến ngày 14/08/2021, số tiền thuê 43.050.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 1 tháng tiền thuê. Hợp đồng tự động gia hạn.

(**) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 09/1120/PMH_PMHT_21F_U4 có hiệu lực từ ngày 09/11/2020, thời hạn 5 năm từ ngày 19/01/2021 đến ngày 18/01/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	.	.	.	397,464,302	397,464,302
2. Số tăng trong kỳ	.	.	.	.	.
<i>Bao gồm:</i>					
• Mua trong kỳ	.	.	.	.	.
• Tăng khác	.	.	.	.	.
3. Số giảm trong kỳ	.	.	.	.	.
<i>Bao gồm:</i>					
• Thanh lý, nhượng bán	.	.	.	.	.
• Giảm khác	.	.	.	.	.
4. Số dư cuối kỳ	.	.	.	397,464,302	397,464,302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	.	.	.	397,464,302	397,464,302
2. Khấu hao trong kỳ	.	.	.	.	.
<i>Bao gồm:</i>					
• Khấu hao tăng trong kỳ	.	.	.	.	.
• Tăng khác	.	.	.	.	.
3. Giảm trong kỳ	.	.	.	.	.
<i>Bao gồm:</i>					
• Thanh lý, nhượng bán	.	.	.	.	.
• Giảm khác	.	.	.	.	.
4. Số dư cuối kỳ	.	.	.	397,464,302	397,464,302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	.	.	.	.	.
2. Tại ngày cuối kỳ	.	.	.	.	.

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn

- Công cụ dụng cụ xuất dùng
- Chi phí thuê căn hộ Star Hill

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
125,961,001	-
86,100,000	86,100,000
212,061,001	86,100,000

Dài hạn

- Chi phí xây dựng, sửa chữa văn phòng
- Chi phí di dời thiết bị IT
- Chi phí cải tạo hệ thống máy lạnh

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
269,760,515	-
409,661,667	-
33,687,500	-
713,109,682	-

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Phải trả phí đỗ xe
- Phải trả phí kiểm toán
- Chi phí khác

Tổng cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
2,705,000	3,480,000
44,000,000	44,000,000
24,238,969	27,055,540
70,943,969	74,535,540

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

9.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
- Thuế Thu nhập cá nhân	94,881,442	375,142,575	389,991,390	80,032,627
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	65,409,680	208,704,054	274,113,734	-
Tổng cộng	160,291,122	583,846,629	664,105,124	80,032,627

9.2 Thuế và các khoản phải thu nhà nước

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	16,178,316	16,178,316
Tổng cộng	-	-	16,178,316	16,178,316

10. VỐN CỔ PHẦN

	Số cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần được duyệt	3,900,000	39,000,000,000	39,000,000,000
Vốn cổ phần đã phát hành (*)	3,900,000	39,000,000,000	39,000,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	3,900,000	39,000,000,000	39,000,000,000
Số cổ phiếu đang lưu hành	3,900,000	39,000,000,000	39,000,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	3,900,000	39,000,000,000	39,000,000,000

(*) : Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

	Số cổ phiếu	Vốn góp tại ngày 31/12/2021	% sở hữu
Ông Albert Kwang - Chin Ting	1,560,000	15,600,000,000	40%
Ông Kwang, Hung - Ting	1,560,000	15,600,000,000	40%
Ông Chen Hsiao Fan	780,000	7,800,000,000	20%
Tổng cộng	3,900,000	39,000,000,000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

11. DOANH THU

Chỉ tiêu	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
11.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ		
- Tổng doanh thu	6,913,398,631	4,647,431,319
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	499,241,221	500,295,401
+ Doanh thu hoạt động tư vấn	6,389,032,258	4,147,096,774
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	25,125,152	39,144

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Triển Vượng Việt Nam (VPDF) và Quỹ Đầu Tư Phát Triển Hằng Thông (HTDF), các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động từ VPDF và HTDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi tháng. Phí thường hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

11.2. Doanh thu hoạt động tài chính	2,053,196,854	2,379,488,751
- Lãi tiền gửi	891,724,251	260,465,995
- Lãi trái phiếu doanh nghiệp	1,161,472,603	2,119,022,756
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		

12. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	6,604,045,676	5,611,822,431
- Chi phí đồ dùng văn phòng	161,228,499	43,776,900
- Thuế, phí, lệ phí	3,000,000	3,000,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,102,015,661	610,835,224
- Chi phí hằng tiền khác	76,260,324	26,291,450
Tổng cộng	7,946,550,159	6,295,726,005

13. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí thuê căn hộ	-	40,333,337
- Khác	-	57,163,129
Tổng cộng	-	97,496,466

14. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	208,704,053	102,360,626
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	208,704,053	102,360,626

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chi tiêu	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,019,969,866	633,650,858
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	23,550,400	97,496,466
+ Các khoản điều chỉnh tăng	23,550,400	97,496,466
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	1,043,520,266	731,147,324
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	208,704,053	102,360,626
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất thông thường (20%)	208,704,053	146,239,465
+ Thuế TNDN được giảm 30% (*)	-	43,868,839
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	811,265,813	531,290,232

Ghi chú:

(*) Theo nghị định Chính phủ số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc Hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền;	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ	-	-
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện	-	-

VII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: Không
3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Thu nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh

VIII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31/12/2021: Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán
3. Thông tin về các bên liên quan: Không phát sinh các bên có liên quan
4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 " báo cáo bộ phận"

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Không phát sinh Báo cáo bổ phận theo CMKT số 28

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	3,900,000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3,900,000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	Không	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 Đ/CP	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	3,900,000	3,900,000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	Không	Không

8. Những thông tin khác:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020, kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).



